



DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS

(Kèm theo quyết định số/ Attachment with decision: 1615 /QĐ - VPCNCLQG
ngày 16 tháng 06 năm 2025 của giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng quốc gia/
of BoA Director)

Tên phòng xét nghiệm: **Khoa xét nghiệm**
Medical Laboratory: **Laboratory Department**
Cơ quan chủ quản: **Bệnh viện Lão khoa Trung ương**
Organization: **National Geriatric Hospital**
Lĩnh vực xét nghiệm: **Hoá sinh**
Field of medical testing: **Biochemistry**
Người phụ trách/ **Trần Thị Thanh Hương**
Representative: **Tran Thi Thanh Huong**
Số hiệu/ Code: **VILAS Med 221**
Hiệu lực/ Validation: từ ngày 16 /6/2025 đến ngày 15 /6/2030
Địa chỉ/ Address: **1A Phương Mai, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**
1A Phuong Mai Street, Phuong Mai Ward, Dong Da District, Ha Noi City
Địa điểm/Location: **1A Phương Mai, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**
1A Phuong Mai Street, Phuong Mai Ward, Dong Da District, Ha Noi City
Điện thoại/ Tel: **024.35764558**
Email: **laokhoatrunguong@gmail.com**
Website: **www.benhvienlaokhoa.vn/**



Handwritten signature and date: 16/6

DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS
VILAS Med 221

Lĩnh vực xét nghiệm: Hóa sinh

Discipline of medical testing: Biochemistry

STT No.	Loại mẫu (chất chống đông-nếu có) <i>Type of sample (anticoagulant-if any)</i>	Tên các chỉ tiêu xét nghiệm <i>(The name of medical tests)</i>	Nguyên lý/ Kỹ thuật xét nghiệm <i>(Principle/ Technical test)</i>	Phương pháp xét nghiệm <i>(Test method)</i>
1.	Huyết tương (Li-Heparin) Plasma (Li-Heparin)	Định lượng Glucose <i>Determination of Glucose content</i>	Động học enzym – Hexokinase <i>Enzymatic kinetic – Hexokinase</i>	QTXN.SH.01 (2024) (Cobas C501)
2.		Định lượng Ure <i>Determination of Urea content</i>	Động học theo phương pháp đo quang <i>Kinetic spectrophotometric</i>	QTXN.SH.02 (2024) (Cobas C501)
3.		Định lượng Creatinin <i>Determination of Creatinine content</i>	Động học phương pháp Jaffé <i>Kinetic Jaffé method</i>	QTXN.SH.03 (2024) (Cobas C501)
4.		Đo hoạt độ AST <i>AST activity measurement</i>	Động học enzym <i>Enzymatic kinetic</i>	QTXN.SH.04 (2024) (Cobas C501)
5.		Định lượng Triglycerid <i>Determination of Triglycerid content</i>	So màu enzym <i>Enzymatic colorimetric</i>	QTXN.SH.05 (2024) (Cobas C501)
6.		Định lượng Cholesterol toàn phần <i>Determination of Total Cholesterol content</i>	So màu enzym <i>Enzymatic colorimetric</i>	QTXN.SH.06 (2024) (Cobas C501)
7.		Định lượng HDL- Cholesterol <i>Determination of HDL- Cholesterol content</i>	So màu enzym <i>Enzymatic colorimetric</i>	QTXN.SH.07 (2024) (Cobas C501)
8.		Định lượng Free Thyroxine (FT4) <i>Determination of Free Thyroxine (FT4) content</i>	Miễn dịch điện hoá phát quang (ECLIA) <i>Electro- chemiluminescence immunoassay (ECLIA)</i>	QTXN.MD.01 (2024) (Cobas E801)
9.		Định lượng Thyroid Stimulating Hormone (TSH) <i>Determination of Thyroid Stimulating Hormone (TSH) content</i>		QTXN.MD.02 (2024) (Cobas E801)

Ghi chú/ Note:

- QTXN: Phương pháp do PXN xây dựng/ *Laboratory developed method*
- Trường hợp Khoa xét nghiệm cung cấp dịch vụ xét nghiệm phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Laboratory department that provides the medical testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*